ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 404 /KH-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 10 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Bảo đảm chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non và trường phổ thông giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về bảo đảm chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên; công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non và trường phổ thông; Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 12/9/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 07/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030;

Trên cơ sở đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1537/TTr-SGDĐT ngày 16/10/2026, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non và trường phổ thông giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Bảo đảm chất lượng giáo dục nhằm giúp cơ sở giáo dục duy trì và từng bước nâng cao chất lượng giáo dục thông qua hoạt động tự đánh giá, thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng và sử dụng kết quả đánh giá trong quản lý, tổ chức các hoạt động giáo dục.

Công nhận trường đạt chuẩn quốc gia nhằm ghi nhận mức độ đáp ứng yêu cầu về chất lượng giáo dục và điều kiện bảo đảm chất lượng của trường mầm non và trường phổ thông theo quy định; tạo động lực nâng cao chất lượng giáo dục, tăng cường trách nhiệm giải trình và tính minh bạch trong hoạt động giáo dục.

Khuyến khích cơ sở giáo dục sau khi đạt chuẩn quốc gia tiếp tục cải tiến, đối sánh và phát triển chất lượng theo các chuẩn, mô hình hoặc thông lệ tiên tiến trong nước, khu vực và quốc tế phù hợp với điều kiện và mục tiêu phát triển của cơ sở giáo dục.

Kết quả bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia là căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá thực trạng chất lượng giáo dục; xác định khoảng cách và nhu cầu cải thiện của từng cơ sở giáo dục; hoạch định chính sách, xác định thứ tự ưu tiên và phân bổ nguồn lực, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục và triển khai các chính sách phát triển giáo dục phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các địa phương giai đoạn 2026-2030.

2. Yêu cầu

Việc tổ chức thực hiện bảo đảm chất lượng giáo dục và xác định mức độ đáp ứng tiêu chí được thực hiện trên cơ sở hồ sơ quản lý, dữ liệu phục vụ theo dõi và cải tiến chất lượng, thông tin có thể kiểm chứng và kết quả thực tiễn tổ chức hoạt động giáo dục.

Kết quả tự đánh giá, dữ liệu quản lý, kết quả cải tiến chất lượng và kết quả kiểm tra, giám sát là căn cứ chủ yếu để xác định lộ trình công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

Gắn xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia với phát triển mạng lưới trường lớp, nâng cao chất lượng đội ngũ, chuyển đổi số, bảo đảm an toàn trường học và thực hiện các mục tiêu phát triển giáo dục của tỉnh.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

1. Quan điểm

Xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia là một trong những chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước đối với sự nghiệp giáo dục; là giải pháp quan trọng để hình thành hệ thống trường lớp chuẩn hoá, hiện đại hoá về cơ sở vật chất, hiệu quả về công tác quản lý, đảm bảo chất lượng về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và nâng cao chất lượng dạy học, hiệu quả đào tạo.

Bảo đảm chất lượng giáo dục là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của mỗi cơ sở giáo dục; công nhận đạt chuẩn quốc gia là kết quả của quá trình quản trị, tự đánh giá, cải tiến chất lượng và bảo đảm các điều kiện giáo dục theo quy định. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia không chạy theo số lượng, không đầu tư dàn trải, không tạo áp lực thành tích; tập trung giải quyết các điểm nghẽn thực chất về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, môi trường giáo dục, chất lượng giáo dục và dữ liệu quản lý; không áp dụng một lộ trình, một phương thức đầu tư như nhau cho tất cả các trường và các địa bàn.

Việc thực hiện bảo đảm chất lượng và công nhận đạt chuẩn quốc gia phải phù hợp với quy mô, loại hình, điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm dân cư, địa bàn và mô hình tổ chức của từng cơ sở giáo dục; ưu tiên hỗ trợ các trường thuộc

địa bàn miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, địa bàn khó khăn, trường có nhiều điểm trường và trường sau tổ chức lại.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Đến năm 2030, hình thành hệ thống cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông từng bước được chuẩn hóa về quản trị, đội ngũ, chương trình và hoạt động giáo dục, cơ sở vật chất, thiết bị, môi trường giáo dục và dữ liệu quản lý; duy trì và nâng cao chất lượng các trường đã đạt chuẩn quốc gia. Tăng số trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2; ưu tiên các trường có nền tảng bảo đảm chất lượng tốt, điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất và kết quả giáo dục ổn định để xây dựng lộ trình nâng từ Mức độ 1 lên Mức độ 2.

2.2. Mục tiêu cụ thể

100% cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng theo quy định; duy trì tự đánh giá, cập nhật dữ liệu, thực hiện và theo dõi kế hoạch cải tiến chất lượng phù hợp với hoạt động quản trị thường xuyên của nhà trường.

100% trường được đưa vào danh sách dự kiến xem xét công nhận đạt chuẩn quốc gia từng năm phải được rà soát, đánh giá đầy đủ về dữ liệu tự đánh giá, kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng và các điều kiện liên quan theo quy định trước thời điểm xem xét công nhận.

Phấn đấu đến năm 2030, có ít nhất 79,10% trường mầm non, 80% trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia, cụ thể theo từng cấp học, bậc học như sau:

a. Giáo dục mầm non

Năm	Số trường đạt chuẩn quốc gia	Tỷ lệ(%)
2026	80/177	45,20
2027	82/177	46,33
2028	98/177	55,37
2029	109/177	61,58
2030	140/177	79,10
2026-2030	**140/177**	**79,10**

b. Giáo dục phổ thông

- Cấp tiểu học

Năm	Số trường đạt chuẩn quốc gia	Tỷ lệ(%)
2026	81/106	76,42
2027	81/106	76,42
2028	87/106	82,08
2029	93/106	87,74

2030	103/106	97,17
2026-2030	**103/106**	**97,17**

- Cấp trung học cơ sở

Năm	Số trường đạt chuẩn quốc gia	Tỷ lệ(%)
2026	122/176	69,32
2027	122/176	69,32
2028	129/176	73,30
2029	146/176	82,95
2030	170/176	96,59
2026-2030	**170/176**	**96,59**

- Cấp trung học phổ thông

Năm	Số trường đạt chuẩn quốc gia	Tỷ lệ(%)
2026	41/58	70,69
2027	44/58	75,86
2028	47/58	81,03
2029	49/58	84,48
2030	55/58	94,83
2026-2030	**55/58**	**94,83**

III. LỘ TRÌNH XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Lộ trình công nhận trường đạt chuẩn quốc gia được xác định trên cơ sở kết quả tự đánh giá, mức độ thực hiện các tiêu chí bảo đảm chất lượng, kết quả cải tiến chất lượng, điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, đất đai, quy mô và mô hình tổ chức của từng cơ sở giáo dục; khả năng cân đối, bố trí nguồn lực của địa phương và yêu cầu phát triển mạng lưới trường lớp. Không xác định lộ trình công nhận theo phương thức phân bổ bình quân hoặc chia đều số lượng trường giữa các năm.

1. Đối với các trường được công nhận mới

Cấp học	Cả giai đoạn	Kế hoạch từng năm				
		2026	2027	2028	2029	2030
Mầm non	**60**	0	2	16	11	31
Tiểu học	**22**	0	0	6	6	10
THCS, TH-THCS	**48**	0	0	7	17	24
THPT	**14**	0	3	3	2	6
Tổng cộng	**144**	**0**	**5**	**32**	**36**	**71**

(Danh sách các trường đề nghị công nhận mới theo Phụ lục 1 đính kèm)

2. Đối với các trường được công nhận lại

Cấp học	Cả giai đoạn	Kế hoạch từng năm				
		2026	2027	2028	2029	2030
Mầm non	**80**	0	7	22	25	26
Tiểu học	**81**	0	5	18	31	27
THCS, TH-THCS	**118**	2	10	43	36	27
THPT	**26**	0	6	3	11	6
Tổng cộng	**305**	**2**	**28**	**86**	**103**	**86**

(Danh sách các trường đề nghị công nhận lại theo Phụ lục 2 đính kèm)

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp; phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể, thực hiện xã hội hóa trong việc huy động các nguồn lực để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

Tuyên truyền sâu rộng chủ trương, chính sách về giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục với giải pháp xây dựng trường chuẩn quốc gia là một trong những giải pháp trọng tâm, hiệu quả và có tính bền vững nhất, để các cấp ủy Đảng, chính quyền, các cơ sở giáo dục và nhân dân nhận thức đúng và đầy đủ, cùng phối hợp thực hiện có hiệu quả.

Đẩy mạnh xã hội hóa công tác giáo dục, khơi dậy trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia, hỗ trợ, chăm lo sự nghiệp giáo dục và đào tạo nói chung, công tác đảm bảo chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia nói riêng. Huy động nhiều nguồn lực xã hội cùng tham gia đầu tư phát triển trường, lớp, cơ sở vật chất trường học. Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, các cấp triển khai thực hiện các công việc như đầu tư phát triển giáo dục; xây dựng phong trào xã hội học tập, phong trào xây dựng gia đình hiếu học, dòng họ hiếu học, phong trào khuyến học, khuyến tài; hạn chế tình trạng học sinh bỏ học, đẩy mạnh phong trào thi đua dạy tốt, học tốt, góp phần hoàn thiện các tiêu chí để công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

2. Rà soát, phân loại và quản lý bằng dữ liệu

Xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi trường đạt chuẩn quốc gia; cập nhật tối thiểu các nhóm thông tin về trường, lớp, học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất, đất đai, thiết bị, kết quả giáo dục, tự đánh giá, kế hoạch cải tiến và thời hạn công

nhận. Ưu tiên khai thác cơ sở dữ liệu ngành, hồ sơ điện tử và hệ thống quản lý của cơ sở giáo dục; hạn chế yêu cầu nhà trường lập lại hồ sơ, minh chứng đã có.

Tăng cường kiểm tra, theo dõi và đánh giá tiến độ thực hiện Kế hoạch; định kỳ rà soát mức độ hoàn thành các mục tiêu, điều kiện bảo đảm chất lượng và hiệu quả sử dụng nguồn lực của từng cơ sở giáo dục. Kịp thời điều chỉnh lộ trình đối với những trường có biến động về quy mô, mô hình tổ chức, đội ngũ, cơ sở vật chất hoặc điều kiện bảo đảm chất lượng; không đưa trường vào kế hoạch công nhận khi chưa đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định.

Trên cơ sở dữ liệu và kết quả rà soát, phân loại từng cơ sở giáo dục, xác định các điều kiện còn thiếu, mức độ cấp thiết, khả năng hoàn thành và nhu cầu nguồn lực; làm căn cứ xác định thứ tự ưu tiên đầu tư, hỗ trợ và đưa vào lộ trình công nhận đạt chuẩn quốc gia, bảo đảm nguồn lực được tập trung cho các hạng mục thiết yếu, có khả năng hoàn thành và phát huy hiệu quả.

3. Bảo đảm đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu

Rà soát nhu cầu, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí, tuyển dụng, điều động và sử dụng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phù hợp với quy mô, cơ cấu, vị trí việc làm và yêu cầu bảo đảm chất lượng giáo dục của từng cơ sở giáo dục. Ưu tiên giải quyết tình trạng thiếu giáo viên đối với các môn học, cấp học và địa bàn còn thiếu nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện chương trình giáo dục và lộ trình xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

Tiếp tục đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo theo lộ trình nhằm đảm bảo 100% giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.

Tập trung bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên về quản trị nhà trường, bảo đảm chất lượng, tự đánh giá, phân tích dữ liệu, cải tiến chất lượng và thực hiện chương trình giáo dục. Có giải pháp riêng đối với địa bàn miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và trường có điều kiện khó khăn.

4. Nâng cao năng lực quản trị, đổi mới hoạt động giáo dục và nâng cao chất lượng thực chất của người học

Nâng cao năng lực quản trị và bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; tăng cường tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch và cải tiến chất lượng giáo dục. Thực hiện tự đánh giá, sử dụng kết quả đánh giá và dữ liệu quản lý để xác định những hạn chế, nguyên nhân, xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng phù hợp với điều kiện của từng cơ sở giáo dục.

Nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý; chú trọng năng lực quản trị nhà trường, đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ số và khai thác dữ liệu phục vụ cải tiến chất lượng; phát huy vai trò của tổ chuyên môn và đội ngũ giáo viên cốt cán trong hỗ trợ, chia sẻ kinh nghiệm và nâng cao chất lượng giáo dục.

Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học; tăng cường dạy học phân hóa, cá thể hóa phù hợp với từng nhóm đối tượng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và khai thác hiệu quả các thiết bị, thư viện, học liệu phục vụ dạy học. Chú trọng nâng cao chất lượng thực chất của người học, hạn chế học sinh lưu ban, bỏ học và tình trạng học sinh chưa đạt yêu cầu.

Tăng cường các giải pháp hỗ trợ người học, nhất là học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh dân tộc thiểu số, học sinh có nguy cơ bỏ học và học sinh chưa đạt yêu cầu; thực hiện hiệu quả công tác tư vấn, hỗ trợ học tập, phụ đạo học sinh chưa đạt yêu cầu và bồi dưỡng học sinh có năng lực, góp phần bảo đảm cơ hội tiếp cận và thụ hưởng giáo dục có chất lượng.

Khai thác, sử dụng hiệu quả dữ liệu về chất lượng giáo dục để theo dõi kết quả học tập, phân tích nguyên nhân, nhận diện những vấn đề cần ưu tiên và điều chỉnh hoạt động dạy học, quản lý, hỗ trợ người học; từng bước hình thành phương thức quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu.

Củng cố và duy trì kết quả phổ cập giáo dục, thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, giáo dục tiểu học và giáo dục trung học cơ sở; bảo đảm huy động, duy trì sĩ số và hạn chế học sinh bỏ học, góp phần thu hẹp khoảng cách chất lượng giáo dục giữa các vùng, địa bàn.

Gắn đổi mới quản lý, phát triển đội ngũ và nâng cao chất lượng dạy học với lộ trình xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; ưu tiên hỗ trợ các cơ sở giáo dục còn khoảng cách lớn về điều kiện bảo đảm chất lượng, nhất là trường thuộc địa bàn miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, địa bàn khó khăn, trường có nhiều điểm trường và các cơ sở giáo dục sau sáp nhập, hợp nhất hoặc tổ chức lại.

5. Xây dựng, hoàn thiện mạng lưới trường lớp; bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu bảo đảm chất lượng và lộ trình công nhận trường đạt chuẩn quốc gia

Rà soát, sắp xếp và hoàn thiện mạng lưới trường, lớp học phù hợp với quy mô dân số, phân bố dân cư, điều kiện kinh tế - xã hội và yêu cầu phát triển giáo dục của từng địa bàn; bảo đảm các cơ sở giáo dục có quy mô, điểm trường và điều kiện tổ chức hoạt động giáo dục phù hợp, nhất là đối với các trường sau sáp nhập, hợp nhất hoặc tổ chức lại.

Rà soát thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của từng cơ sở giáo dục; xác định cụ thể các điều kiện còn thiếu, chưa đạt hoặc cần cải thiện so với yêu cầu bảo đảm chất lượng và tiêu chuẩn trường đạt chuẩn quốc gia, làm cơ sở xây dựng lộ trình và xác định thứ tự ưu tiên đầu tư.

Tập trung đầu tư, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới trường, lớp học, các phòng học, phòng chức năng, phòng học bộ môn, thư viện, khu phục vụ học tập, công trình vệ sinh, nước sạch, khu thể thao và các hạng mục thiết yếu

khác theo quy định; ưu tiên giải quyết các hạng mục trực tiếp ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn và khả năng thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường.

Bảo đảm thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; từng bước bổ sung, hiện đại hóa thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin, phòng thực hành và các điều kiện phục vụ dạy học phù hợp với yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục. Chú trọng khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị đã được đầu tư, tránh đầu tư dàn trải, trùng lặp hoặc không gắn với nhu cầu sử dụng thực tế; phải gắn đầu tư với khả năng khai thác, sử dụng lâu dài.

Ưu tiên nguồn lực cho các cơ sở giáo dục thuộc địa bàn miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, địa bàn khó khăn; trường có nhiều điểm trường, trường có khoảng cách lớn về điều kiện bảo đảm chất lượng và các trường được xác định trong lộ trình công nhận đạt chuẩn quốc gia nhưng còn thiếu các điều kiện thiết yếu.

Tăng cường huy động các nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách để hỗ trợ phát triển cơ sở vật chất, thiết bị và môi trường giáo dục; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia đầu tư, tài trợ cho giáo dục theo đúng quy định, bảo đảm công khai, minh bạch, tự nguyện, không tạo áp lực đóng góp đối với người học và gia đình học sinh.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; kinh phí bố trí thực hiện các Chương trình, Đề án, Dự án thuộc chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

(Nhu cầu đầu tư chi tiết từng trường theo Phụ lục 3 đính kèm)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Là cơ quan đầu mối tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện Kế hoạch. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 theo đúng mục tiêu, lộ trình đề ra.

Tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng việc thực hiện công tác đảm bảo chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Chỉ đạo, giám sát các cơ sở giáo dục thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng để không ngừng duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

Hướng dẫn cơ sở giáo dục thực hiện bảo đảm chất lượng, tự đánh giá và cải tiến chất lượng; tổ chức rà soát, xác định danh sách cơ sở giáo dục được xem xét công nhận; tổ chức thẩm định theo quy định; quyết định công nhận trường đạt chuẩn quốc gia và cấp Bằng công nhận theo thẩm quyền.

Hằng năm, tổ chức đánh giá kết quả thực hiện; năm 2028 tổ chức sơ kết; năm 2030 tổ chức tổng kết về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; báo cáo kết quả Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát nhu cầu biên chế, vị trí việc làm, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân sự hỗ trợ giáo dục; tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết những trường hợp thiếu đội ngũ ảnh hưởng đến việc bảo đảm chất lượng giáo dục.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan tham mưu bố trí nguồn lực thực hiện Kế hoạch trong khả năng cân đối ngân sách và theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và đầu tư công.

4. Sở Xây dựng

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, thẩm định hoặc tham gia ý kiến về các nội dung thuộc lĩnh vực xây dựng trong đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất trường học theo quy định; bảo đảm việc thiết kế, xây dựng các hạng mục trường học phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng và yêu cầu về cơ sở vật chất, phòng học, phòng chức năng, phòng học bộ môn theo quy định.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, phường, đặc khu hướng dẫn, đôn đốc và giải quyết theo thẩm quyền các thủ tục về đất đai, hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cơ sở giáo dục theo quy định.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các hội, đoàn thể tỉnh

Tăng cường công tác tuyên truyền cho đoàn viên, hội viên, Nhân dân về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia; vận động các tổ chức đoàn thể quan tâm ủng hộ vật chất, tinh thần, chăm lo củng cố, phát triển hệ thống trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh.

7. UBND các xã, phường, đặc khu

Căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh, lộ trình đã đăng ký xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và điều kiện thực tế địa phương, xây dựng kế hoạch thực hiện; chịu trách nhiệm bố trí, huy động nguồn lực theo thẩm quyền để bảo đảm các điều kiện giáo dục.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện tự đánh giá, cải tiến chất lượng; theo dõi tiến độ từng trường; kịp thời báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo những khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền.

Chỉ đạo triển khai quy hoạch mạng lưới trường, lớp đảm bảo phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Chỉ đạo thực hiện việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ việc triển khai chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; có chính sách ưu đãi nhằm phát triển giáo dục trên địa bàn; bảo đảm bố trí ngân sách chi cho giáo dục theo đúng quy định hiện hành.

Rà soát và thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với giáo viên trên địa bàn theo đúng quy định của Nhà nước; tham mưu bố trí đủ định mức giáo viên theo quy định.

Thực hiện đầy đủ và có hiệu quả cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa giáo dục; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về các thủ tục để các nhà đầu tư tham gia phát triển trường, lớp ngoài công lập trên địa bàn theo quy định.

Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15/12 hằng năm để tổng hợp báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non và trường phổ thông giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Yêu cầu các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục và Đào tạo *(báo cáo)*;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, các Phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, KGVX.BNT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Y Ngọc